

Báo giá lần 05 tháng 05/2024

Hiệp Hòa, ngày 08 tháng 05 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho trang thiết bị y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa năm 2024 của đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Người nhận báo giá: Nguyễn Thế Huy
 - Chức Vụ: Trưởng khoa Dược – TTBYT
 - SĐT: 0914.815.481
- Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược – Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh – Tổ dân phố số 3- Thị trấn Thắng – Hiệp Hoà – Bắc Giang.
 - Nhận qua email: ttythiephoa24007@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 08 tháng 05 năm 2024 đến hết ngày 22 tháng 05 năm 2024. ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 05 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư, hoá chất sinh hóa chi tiết như sau: (yêu cầu báo giá trọn gói)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
01	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Dải đo: 0.01-5.9 g/dL Phương pháp: BCG Thành phần :Succinic acid: 0.5M Bromocresol Green:: 0.75mM ISO 13485. (hoặc tương đương)	348	ml
02	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan ALT	Dải tuyến tính: 8-800 U/L Phương pháp IFFC Thành phần : Thuốc thử 1 (R1) : Tris buffer (pH 7.4) : 125 mM; D-LDH < 3500 U/L L-Alanine: 624 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản Thuốc thử 2 (R2) : NADH : 1.4 mM ; a-Ketoglutarate: 75 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản. ISO 13485; (hoặc tương đương)	6,250	ml



03	<p>Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan AST</p>	<p>Dải tuyến tính: 6-800 U/L Phương pháp: IFFC Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Tris buffer (pH 7.8): 193 mM MDH: > 1000 U/L ; D-LDH: > 1000 U/L ; L-aspartate: 360 mM Thuốc thử 2 (R2): NADH: 1.7 mM; α-ketoglutarate: 90 mM ISO 13485; (hoặc tương đương)</p>	6,250	ml
04	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium</p>	<p>Dải đo: Serum: 0.01-17 mg/dL, Urine: 0.08-38 mg/dL Phương pháp: Arsenazo Thành phần : MES buffer (pH 6.5): 20mM; Arsenazo III: 0.3 mM ISO 13485; (hoặc tương đương)</p>	120	ml

05	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol	<p>Dải đo: 1.25-701 mg/dL</p> <p>Phương pháp: CHOD-PAD</p> <p>Thành phần :</p> <p>4-Chlorophenol 0.34 mM</p> <p>4-Aminopyridine 0.34 mM</p> <p>Cholesterol esterase (CHE) \geq 1000 U/L</p> <p>Cholesterol oxidase (CHOD) \geq 1000 U/L</p> <p>Peroxidase (POD) \geq 1500 U/L. ISO 13485</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	2,250	ml
06	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Creatinine kinase	<p>Dải tuyến tính: 5-2000U/L</p> <p>Phương pháp: IFCC</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1 (R1) :</p> <p>Imidazole buffer (pH 6.7): 125 mM</p> <p>Diadenosine pentaphosphate: 12.5 μM</p> <p>D-Glucose: 25 mM; NAC: 25 mM; NADP: 2.5 mM</p> <p>AMP: 6.5 mM; Magnesium Acetate: 12.5 mM</p> <p>Hexokinase: \geq 4.0 kU/L</p> <p>Thuốc thử 2 (R2) :</p> <p>Tris buffer (pH 7.5): 25 mM; Phosphocreatine: 166 mM</p> <p>ADP: 15 mM, G6PDH: \geq 10 kU/L</p> <p>ISO 13485;</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	120	ml

07	<p>Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Creatinine kinase-MB</p>	<p>Dải tuyến tính: Lên tới 2000U/L</p> <p>Phương pháp: enzymatic immunoinhibition</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1 (R1) :</p> <p>Imidazole buffer (pH 6.7): 100 mmol/L</p> <p>Hexokinase: 4.0 KU/L; NADP: 2.0 mmol/L; G6PDH: ≥ 2.8 KU/L</p> <p>ADP: 2.0 mmol/L; Magnesium Acetate: 10 mmol/L</p> <p>AMP: 5.0 mmol/L</p> <p>Thuốc thử 2 (R2) :</p> <p>Diadenosine pentaphosphate: 10 mmol/L</p> <p>EDTA: 2.0 mmol/L; D-Glucose: 20 mmol/L</p> <p>Creatine Phosphate: 30 mmol/L; N-Acetyl Cysteine: 0.2 mmol/L; Anti-CK-M antibody: Variable</p> <p>ISO 13485;</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	60	ml
08	<p>Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Creatinine kinase-MB</p>	<p>Thành phần: Dạng đông khô của huyết thanh người, có chứa thành phần CK-MB trong chất đệm (hoặc tương đương)</p>	2	ml
09	<p>Hóa chất kiểm tra xét nghiệm định lượng Creatinine kinase-MB</p>	<p>Thành phần: Dạng đông khô của huyết thanh người, có chứa thành phần CK-MB trong chất đệm (hoặc tương đương)</p>	4	ml

10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinin	<p>Dải đo: Serum: 0.03-31.1 mg/dL, Urine: 0.1-380 mg/dL</p> <p>Phương pháp: Jaffe kinetic</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1 (R1)</p> <p>NaOH : 0.45M; Detergent : 0.4 %</p> <p>Thuốc thử 2 (R2)</p> <p>Picric acid Solution : 22mM (hoặc tương đương)</p> <p>Dải đo: 0.02-30.3 mg/dL.</p>	6,300	ml
11	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	<p>Phương pháp: DPD</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1 (R1):</p> <p>DPD : 2.2 mM</p> <p>Chất hoạt động bề mặt</p> <p>Thuốc thử2 (RB): HCl : 120 mM</p> <p>ISO 13485.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	420	ml

12	<p>Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp</p>	<p>Dải tuyến tính: 0.04 -10 mg/dL. Phương pháp: DPD Thành phần : Thuốc thử 1 (R1) : DPD : 0.1 mM; HCl : 300 mM Chất hoạt động bề mặt Thuốc thử 2 (R2): HCl : 300 mM Chất hoạt động bề mặt ISO 13485. (hoặc tương đương)</p>	420	ml
13	<p>Hóa chất xét nghiệm hoạt độ Gamma – Glutamyl Transferase (GGT)</p>	<p>Phương pháp: IFCC enzymatic colorimetric Thành phần : Thuốc thử 1 (R1) : Tris buffer (pH 8.2): 160 mM Glycyl-Glycine: 200 mM Thuốc thử 2 (R2) : Tris buffer (pH 8.2): 20 mM GLUPA-C: 8 mM ISO 13485; (hoặc tương đương)</p>	320	ml

14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong máu	<p>Dải đo: Serum: 0.4-611 mg/dL, Urine: 0.8-1115 mg/dL, CSF: 0.8-448 mg/dL.</p> <p>Phương pháp: Enzyme hexokinase</p> <p>Thành phần:</p> <p>Thuốc thử 1 (R1)</p> <p>Tris base, pH 7.8: 156 mM; MgSO4 14 mM</p> <p>NAD 3.2 mM; ATP 3.1 mM</p> <p>Thuốc thử 2 (R2)</p> <p>Tris Base 500 mM; MgSO4 25 mM; Hexokinase >20000 U/L</p> <p>G6PDH >22000 U/L</p> <p>ISO 13485;</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	6,000	ml
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c	<p>Độ tuyến tính tối đa 13%</p> <p>Phương pháp đo: Latex enhanced Immunoturbidimetry</p> <p>Thành phần:</p> <p>Thuốc thử R1: Dung dịch Latex</p> <p>Thuốc thử R2: Kháng thể đơn dòng Hemoglobin A1c của chuột kháng người, Kháng thể kháng chuột IgG của dê.</p> <p>Thuốc thử R3: Thuốc thử phá vỡ hồng cầu (hoặc tương đương)</p>	3,824	ml
16	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c	<p>4 mức khác nhau, 0,5mL/nồng độ. Được điều chế từ mẫu máu (hồng cầu) người và chất ổn định (hoặc tương đương)</p>	8	ml

17	<p>Chất kiểm tra mức thấp và mức cao dùng cho xét nghiệm HbA1c</p>	<p>2 mức thấp/cao, 0,5mL/nồng độ. Được điều chế từ máu người ở dạng đông khô. (hoặc tương đương)</p>	16	ml
18	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol</p>	<p>Thành phần : Anti-human-β-Lipoprotein antibody : Cholesterol Esterase 0.8 IU/ml Cholesterol Oxidase 4.4 IU/ml Peroxidase 1.7 IU/ml Ascorbate Oxidase 2.0 IU/ml Good's buffer pH=7.0 30 mmol/L N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfo-propyl)-3,5-dimethoxy-4-fluoroaniline (F-DAOS): 0.20 mmol/L 4-aminoantipyrine 0.67 mmol/ (hoặc tương đương)</p>	720	ml
19	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol</p>	<p>Thành phần: Good's Buffer (pH 6.8) 25 mmol/L 4-AMP: 0.8 mmol/L Cholesterol Oxidase (CHO): 3.7 IU/mL Cholesterol Esterase (CHE): 3.7 IU/mL Peroxidase(POD): 4.9 IU/mL Catalase: 743 IU/mL (hoặc tương đương)</p>	288	ml

20	Chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần : Huyết thanh người đông khô gồm các chất phân tích: Alkaline Phosphatase, Alanine Aminotransferase, Aspartate Aminotransferase, Albumin, Amylase, Inorganic Phosphorus, Calcium, Creatinine, Lactate Dehydrogenase, GGlutamate Transpeptidase, Creatine Kinase, Lactate, Magnesium, Total Protein, Acid Phosphatase, Urea, Uric Acid, Glucose, Iron, Triglycerides, Direct Bilirubin, Total Bilirubin, Cholesterol, Cholinesterase, HDL-Cholesterol, LDLCholesterol, và Unsaturated Iron Binding Capacity (UIBC) (hoặc tương đương)	60	ml
21	Chất kiểm tra chung mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần: Huyết thanh người đông khô có chứa các lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích, nồng độ bên trong phạm vi tham chiếu: (hoặc tương đương)	120	ml
22	Chất kiểm tra chung mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần: Huyết thanh người đông khô có chứa các lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích, nồng độ bên trong phạm vi tham chiếu: (hoặc tương đương)	120	ml

23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	<p>Dải đo: 0.10-14.9g/dL .</p> <p>Phương pháp: Biuret</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1:</p> <p>Potassium Sodium Tartrate: 50 mM</p> <p>Thuốc thử 2:</p> <p>Potassium Sodium Tartrate: 50 mM</p> <p>Potassium Iodide: 25 mM</p> <p>Copper (II) Sulfate: 25 mM; ISO 13485 (hoặc tương đương)</p>	400	ml
24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	<p>Dải tuyến tính: Serum: 2-300 mg/dL, Urine: 15-4750 mg/dL</p> <p>Phương pháp: Xác định Urea bằng Enzym</p> <p>Thành phần:</p> <p>Thuốc thử 1 (R1)</p> <p>Tris buffer (pH 7.4): 150 mM; Urease \leq 30 kU/L</p> <p>GLDH \leq 1 kU/L; a-Ketoglutaric acid: 10 mM</p> <p>Chất bảo quản, chất không hoạt tính</p> <p>Thuốc thử 2 (R2):</p> <p>NADH: 0.32 mM (hoặc tương đương)</p>	12,000	ml



25	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid uric	<p>Dải tuyến tính: Serum: 0.5 – 30 mg/dL, Urine: 0.4 – 550 mg/dL</p> <p>Phương pháp: Uricase/PAP</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1 (R1) ; 4-aminoantipyrine : 1mM</p> <p>Peroxidase : > 15 KU/L</p> <p>Thuốc thử 2 (R2) :</p> <p>Uricase: >260 U/L</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	400	ml
26	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	<p>Thành phần:</p> <p>Sodium: 172 +/- 8 mmol/L</p> <p>Conductivity: 28 +/- 1.4 mmol/L</p> <p>pH: 13.0 +/- 0.3 pH units</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	120,000	ml
Tổng: 26 danh mục				

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: *cung cấp, vận chuyển vật tư, hóa chất đến tận khoa Dược - TTBYT của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến: sau khoảng 1-5 ngày tính từ thời gian người cung ứng của đơn vị gọi hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán đầu quý này cho quý trước sau khi đơn vị đã nhận đủ các loại giấy tờ cần thiết để phục vụ cho thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Lưu HS;
- Đăng website đơn vị;



GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
BS.DƯƠNG MINH NAM**



Mẫu báo giá
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà, chúng tôi [ghi rõ tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 05 năm 2024 .

3. Chúng tôi cam kết:

· Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

· Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

· Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.